

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/DS-ST

Ngày: 15-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Quốc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phan Ngọc Thạch;

Ông Lê Xuân Cúc.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lý Thị Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Vinh Sử – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2022/TLST-DS, ngày 25 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Phan Thị Thanh H, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ 10, ấp 2, xã SD, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện hợp pháp của chị H:* Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1962; nơi cư trú: Tổ 4, ấp 4, xã SD, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 25-4-2022) có đơn xin vắng mặt;

***- Bị đơn:*** Anh Trần Thanh L, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ 17, ấp T, xã TP, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Trần Thị H1, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp T, xã TB, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt);

2. Chị Huỳnh Thị Hồng G, sinh năm 1992; nơi cư trú: Tổ 2, ấp 3, xã SD, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 4 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cùng người đại diện hợp pháp trình bày:*

Chị Phan Thị Thanh H có cho anh Trần Thanh L vay tiền các lần cụ thể sau: Ngày 26-7-2021 anh Trần Thanh L vay số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay để cho vay để kinh doanh mua bán, thời hạn vay thỏa thuận là 15 ngày sau trả lại, lãi suất thỏa thuận 03%/tháng; ngày 06-8-2021 anh Trần Thanh L vay thêm số tiền 350.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh mua bán, thời hạn vay thỏa thuận là 20 ngày sau trả lại, lãi suất thỏa thuận 03%/tháng. Tổng cộng 02 lần anh L vay của chị H số tiền 600.000.000 đồng và có viết giấy nhận nợ giao cho chị H giữ. Khi vay anh L trực tiếp nhận tiền từ chị H và ký giấy nhận nợ nên chị H không biết anh L có giao tiền lại cho ai hay không.

Các lần vay tiền anh L có giao cho chị H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 74,3 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 147, tờ bản đồ số 59 và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 328,6 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 159, tờ bản đồ số 287 để làm tin. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên do chị Trần Thị H1 đứng tên đăng ký, sử dụng.

Đến thời hạn trả nợ, anh L không có tiền trả tiền nợ gốc 600.000.000 đồng nên xin trả tiền lãi, chị H đồng ý nhưng anh L vẫn không trả tiền lãi như đã cam kết và không trả tiền nợ gốc. Do đó, nay chị H yêu cầu một mình anh L trả số tiền vay gốc trả số tiền vay 600.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi 0,83%/tháng, tạm tính từ ngày 06-8-2021 đến ngày khởi kiện là 09 tháng bằng số tiền 44.820.000 đồng và phải tiếp tục tính lãi cho đến khi xét xử xong vụ án.

Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh L giao cho chị H để làm tin, hiện nay chị H đang giữ, sau khi anh L trả xong tiền vay và tiền lãi thì chị H sẽ trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh L.

### **\* Anh Trần Thanh L có ý kiến đối với câu của nguyên đơn:**

Anh là em ruột của chị Trần Thị H1 và là bạn của chị Huỳnh Thị Hồng G, chị G là bạn của vợ chồng anh Lương Nguyễn Thành An, chị Phan Thị Thanh H, giữa anh với anh An, chị H không có quen biết với nhau.

Do là bạn với nhau nên anh có cho chị Huỳnh Thị Hồng G mượn 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị H1 đứng tên, đăng ký sử dụng gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 979,5 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 25 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 24-6-2019; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 328,6 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 159, tờ bản đồ số 28 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16-7-2019; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 74,3 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 59 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10-7-2019. Mục đích chị G mượn các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để giao cho chị H làm niềm tin trong các giao dịch vay tiền, chị G có viết giấy cam kết trả lại

các giấy chứng nhận quyền sử dụng cho anh. Khi anh cho chị G mượn các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, không được sự đồng ý của chị H1, vì lúc này chị H1 không có nhà nên không biết.

Số tiền 600.000.000 đồng hiện nay chị H yêu cầu anh trả là do anh đứng tên vay giúp chị Huỳnh Thị Hồng G vào năm 2021, do chị G không trả được nợ nên anh An, chị H đã khởi kiện chị G được Thẩm phán Nguyễn Thị Ngọc Thu thụ lý, giải quyết nhưng chị H, anh An rút đơn khởi kiện. Nay lại khởi kiện thành 02 vụ án khác nhau, trong đó kiện anh yêu cầu trả số tiền 600.000.000 đồng và kiện chị Huỳnh Thị Hồng G yêu cầu trả số tiền 1.750.000.000 đồng.

Sự việc anh ký giấy vay tiền với chị H cụ thể như sau:

- Ngày 23-7-2021, chị G nhờ anh viết và ký tên giấy vay tiền chị Phan Thị Thanh H số tiền 250.000.000 đồng và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 328,6 m<sup>2</sup> cho chị H để làm niềm tin. Anh nhận tiền trực tiếp từ chị H nhưng không kiểm đếm lại, sau đó giao lại cho chị G và chị G có viết giấy cam kết trả lại anh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong thời hạn 10 ngày.

- Ngày 05-8-2021, chị G tiếp tục nhờ anh viết và ký tên giấy vay tiền chị Phan Thị Thanh H số tiền 350.000.000 đồng và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 74,3 m<sup>2</sup> cho chị H để làm niềm tin nhưng lần này anh không gặp trực tiếp chị H mà chỉ viết và ký tên giấy vay tiền rồi giao cho chị G kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 74,3 m<sup>2</sup> để chị G gặp trực tiếp chị H giao dịch vay mượn tiền và nhận tiền với nhau. Chị G tiếp tục viết giấy cam kết sẽ trả lại anh 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong thời hạn 30 ngày.

Đối với tiền lãi do chị G và chị H tự thỏa thuận với nhau và chị G trực tiếp trả cho chị H nên anh không biết.

Đến ngày 13-9-2021, chị G không có khả năng trả tiền lãi cho chị H nên chị H yêu cầu chị G viết giấy nợ số tiền vay 850.000.000 đồng (trong đó gồm tiền vay gốc 600.000.000 đồng, tiền lãi 250.000.000 đồng). Chị G có nhờ anh viết giấy nhận nợ 850.000.000 đồng cho chị H, anh có viết nội dung giấy nợ nhưng không ký tên, chữ ký trong giấy nhận nợ 850.000.000 đồng do chị G ký giả chữ ký của anh rồi giao cho chị H.

Do chị G không có khả năng trả nợ nên bà Nguyệt (mẹ chồng chị H) và chị H đến nhà yêu cầu chị G trả tiền nhưng không được nên mới đến nhà anh yêu cầu anh trả tiền, từ đó chị H1 mới biết anh lấy 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị G mượn.

Nay chị H khởi kiện yêu cầu anh trả số tiền nợ vay 600.000.000 đồng và tiền lãi suất thì anh không đồng ý, thực tế số tiền 600.000.000 đồng nêu trên anh chỉ ký nhận nợ thay chị G chứ không sử dụng số tiền này, chị G là người trực tiếp vay và nhận tiền. Do đó, yêu cầu Tòa án mời chị G về làm việc và số tiền này chị G phải có nghĩa vụ trả cho chị H chứ anh không liên quan.

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 328,6 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 159, tờ bản đồ số 28 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16-7-2019 và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 74,3 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 59 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10-7-2019, hiện chị H đang giữ là do chị Trần Thị H1 đứng tên đăng ký nên chị H có nghĩa vụ trả lại cho chị H1.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 979,5 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 130, tờ bản đồ số 25 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 24-6-2019 đã được Tòa án giải quyết xong vụ án khác nên anh không yêu cầu trong vụ án này.

**\* Chị Trần Thị H1 có ý kiến:**

Chị là chị ruột của Trần Thanh L, chị hoàn toàn không quen biết với chị Huỳnh Thị Hồng G, chị Phan Thị Thanh H.

Chị H hiện nay đang giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị đứng tên đăng ký, sử dụng. Cụ thể, khoảng tháng 3-2020, chị đi làm ăn xa ở Đài Loan nên chị có gửi cho cha chị là ông Trần Văn Muồng cất giữ 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị đứng tên đăng ký gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 979,5 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 25 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 24-6-2019; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 328,6 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 159, tờ bản đồ số 28 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16-7-2019 và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 74,3 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 147, tờ bản đồ số 59 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10-7-2019.

Trong năm 2021 (thời gian cụ thể không nhớ), chị H và bà Nguyệt (mẹ chồng chị H) đến nhà cha chị yêu cầu anh Trần Thanh L trả tiền vay nên cha chị mới biết anh L lấy 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho chị G mượn để vay tiền của vợ chồng chị H và thông báo cho chị biết. Hiện nay chị H đang giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị đứng tên đăng ký, sử dụng gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 328,6 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 159, tờ bản đồ số 28 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16-7-2019; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 74,3 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 147, tờ bản đồ số 59 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10-7-2019 nên chị yêu cầu chị Phan Thị Thanh H trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho chị.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 979,5 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 25 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 24-6-2019 do chị đứng tên đăng ký, sử dụng đã được xử lý tại Bản án số 55/2022/DS-ST, ngày 01-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh nên chị không yêu cầu trong vụ án này.

Việc Chị H khởi kiện yêu cầu anh L trả số tiền vay và tiền lãi thì chị không có ý kiến gì.

### **Chị Huỳnh Thị Hồng G có ý kiến:**

Chị và chị Phan Thị Thanh H, anh Lương Nguyễn Thành An là bạn làm ăn chung với nhau, còn anh Trần Thanh L là bạn mới quen biết qua công việc làm ăn. Chị có nhờ Trần Thanh L đứng ra ký giấy nợ vay tiền của chị Phan Thị Thanh H cụ thể như sau:

Vào ngày 23-7-2021, chị có nhờ anh L đứng ra viết giấy vay chị Phan Thị Thanh H (vợ anh An) số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng 30%/tháng, không có ghi vào giấy nợ mà do chị và chị H, anh L tự thỏa thuận với nhau; chị nhận tiền vay trực tiếp từ chị H, anh L chỉ ký giấy nhận nợ và chị cũng là người trực tiếp trả tiền lãi cho chị H, khi trả tiền lãi không có làm giấy tờ gì mà chỉ có tin nhắn nhưng hiện nay tin nhắn cũng bị chị H và anh An lấy điện thoại xóa hết. Khi vay tiền anh L tự nguyện giao cho chị H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Trần Thị H1 đăng ký, diện tích 328,6 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 159, tờ bản đồ số 28, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh ngày 16-7-2019 để làm tin.

Đến ngày 05-8-2021, chị tiếp tục nhờ anh L đứng ra viết giấy vay chị Phan Thị Thanh H, số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn vay khi nào hết giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ sẽ trả, lãi suất thỏa thuận miệng 30%/tháng, không có ghi vào giấy nợ mà do chị và chị H, anh L tự thỏa thuận với nhau; chị nhận tiền vay trực tiếp từ chị H, anh L chỉ ký giấy nhận nợ và chị cũng là người trực tiếp trả tiền lãi cho chị H, khi trả tiền lãi không có làm giấy tờ gì mà chỉ có tin nhắn nhưng hiện nay tin nhắn cũng bị chị H và anh An lấy điện thoại xóa hết. Khi vay tiền anh L tự nguyện giao cho chị 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Trần Thị H1 đăng ký, diện tích 74,3 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 59, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh ngày 10-7-2019 để chị giao chị H làm tin cho việc vay tiền.

Ngoài số tiền 600.000.000 đồng nêu trên, anh L không có ký nhận nợ thay cho chị số tiền nào cả. Tuy nhiên, do từ ngày 05-8-2021 chị không có trả tiền lãi cho chị H nên vào ngày 13 tháng 9 năm 2021 chị H yêu cầu anh L viết giấy nợ số tiền 850.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc 600.000.000 đồng, tiền lãi là 250.000.000 đồng nhưng anh L chỉ viết giấy mà không ký tên và kêu chị tự ký tên vào giấy này nên chị có ký giả chữ ký của anh L, còn chữ ký của chị có trong giấy này là sau này anh An chồng của chị H yêu cầu chị phải ký vào giấy này và giao giấy gốc này anh An, chị H đang giữ, nhưng chị có chụp hình lại và cung cấp cho Tòa án.

Mục đích chị vay số tiền 600.000.000 đồng là dùng để kinh doanh mua bán và đóng tiền lãi lại cho anh An, chị H. Nhưng do buôn bán thua lỗ và tiền lãi phải đóng cho chị H, anh An quá cao nên chị không có khả năng trả lại tiền cho chị H như đã hẹn.

Đến ngày 24-9-2021, chị và anh An, chị H có thỏa thuận chốt lại tiền vay và thỏa thuận miệng lại lãi suất 05%/tháng thì anh An yêu cầu chị viết giấy mượn

nợ, ngày 24-9-2021 nhưng chị viết nhầm thành ngày 24-10-2021. Do chị đã trả tiền lãi đến ngày 04-10-2021 nên hai bên thống nhất chỉnh sửa ngày tháng năm viết giấy nợ là ngày 04-10-2021 nhưng chị lại tiếp tục viết nhầm lần nữa là ngày 04-11-2021 nên trong giấy mượn nợ có dấu chỉnh sửa ngày, tháng. Trong giấy nợ thể hiện nội dung, chị có mượn của anh An số tiền 2.350.000.000 đồng, nhưng trong số tiền nợ này có 850.000.000 đồng tiền vay của anh L (nợ gốc 600.000.000 đồng, nợ lãi là 250.000.000 đồng), còn tiền nợ của chị là 1.500.000.000 đồng (nợ gốc 1.300.000.000 đồng, nợ lãi 200.000.000 đồng). Sau khi viết giấy nợ, chị có nói với anh An là cha mẹ chị cho 200.000.000 đồng để trả trước cho anh An và mỗi năm cha mẹ hỗ trợ cho chị để trả cho anh An 100.000.000 đồng và hàng tháng chị sẽ trả riêng cho anh An thêm số tiền chị tự làm dư ra nhưng anh An không đồng ý nên từ khi viết giấy nhận nợ số tiền 2.350.000.000 đồng đến nay chị chưa trả cho anh An được số tiền nào.

Nay chị H khởi kiện yêu cầu anh L trả số tiền nợ vay 600.000.000 đồng và tiền lãi suất thì chị có ý kiến như sau: Số tiền 600.000.000 đồng mà anh L ký nhận nợ với chị H là do chị nhận, anh L chỉ ký tên chứ không nhận tiền nên chị đồng ý trả cho chị H số tiền nợ 600.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi, vì tiền lãi chị đã tính với anh An, chị H xong, cũng đã chốt giấy nhận nợ vào ngày 04-10-2021, số tiền 2.350.000.000 đồng.

Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị H đang giữ là tài sản của chị H1 nên yêu cầu trả lại cho chị H1.

Đối với số tiền vay 600.000.000 đồng chị giấu anh Thọ (chồng chị) vay của chị H để kinh doanh nên anh Thọ không biết, đến khi không còn khả năng trả nợ cho anh An, chị H thì anh Thọ mới biết, sau đó anh Thọ cùng với gia đình đuổi chị ra khỏi nhà nên chị khẳng định số tiền vay trên không liên quan đến anh Thọ.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công khai khi giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì có cơ sở xác định anh Trần Thanh L có vay của chị H số tiền 600.000.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của chị H là có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thanh H đối với anh Trần Thanh L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Trần Thanh L có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị L H số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng; đối với yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp, tuy nhiên chị H yêu cầu thời gian tính tiền lãi của số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng từ ngày 06-8-2021 là chưa phù hợp, vì theo giấy mượn tiền ghi ngày 06-8-2021 không thỏa thuận lãi suất nhưng thỏa thuận thời hạn trả nợ 20 ngày. Do đó chị H chỉ có quyền tính tiền lãi suất từ ngày 27-8-2021 nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính tiền lãi của số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng từ ngày 27-8-2021 theo mức lãi suất do chị H yêu cầu.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đỗ Thị M là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn; chị Trần Thị H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Trần Thanh L là bị đơn và chị Huỳnh Thị Hồng G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà M, anh L, chị H1 và chị G.

[2] Về nội dung tranh chấp: Chị Phan Thị Thanh H yêu cầu anh Trần Thanh L trả số tiền vay 600.000.000 đồng và tiền lãi 0,83%/tháng, từ ngày 06-8-2021 đến ngày khởi kiện là 09 tháng bằng số tiền 44.820.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 644.820.000 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi xét xử xong vụ án. Anh L thừa nhận có ký giấy vay tiền với chị H số tiền 02 lần 600.000.000 đồng, nhưng anh chỉ ký giấy vay tiền giúp chị Huỳnh Thị Hồng G, không có nhận tiền mà do chị G nhận tiền trực tiếp từ chị H nên chị G phải có nghĩa vụ trả số tiền này cho chị H, anh không đồng ý trả số tiền này cho chị H; chị Huỳnh Thị Hồng G đồng ý trả cho chị Phan Thị Thanh H số tiền vay 600.000.000 đồng do anh L ký nhận vay, chị không đồng ý trả tiền lãi; chị Trần Thị H1 yêu cầu chị Phan Thị Thanh H trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị đứng tên đăng ký.

[2.1] Xét thấy, khi khởi kiện chị Phan Thị Thanh H cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm “01 Giấy mượn tiền ngày 26-7-2021, 01 Giấy mượn tiền ngày 06-8-2021” tại các bút lục số 61, 62, chứng cứ này đã được Tòa án công khai, anh L cũng thừa nhận chứng cứ do chị H cung cấp cho Tòa án là do anh viết và ký tên nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là chứng cứ hợp pháp dùng để giải quyết vụ án.

[2.2] Căn cứ các chứng cứ do chị Phan Thị Thanh H cung cấp và được anh Trần Thanh L thừa nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa chị Phan Thị Thanh H và anh Trần Thanh L có giao kết hợp đồng vay tiền với nhau, khi giao kết hai bên tự nguyện, có lập hợp đồng, nội dung hợp đồng các bên thỏa thuận tài sản vay là số tiền 600.000.000 đồng và có thỏa thuận thời hạn trả nợ nên việc thỏa thuận giữa các bên là phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án anh L thừa nhận có ký giấy vay tiền nhưng không cung cấp được chứng cứ đã trả được số tiền vay cho chị H nên chị H khởi kiện yêu cầu một mình anh L trả nợ là có căn cứ.

[2.3] Xét thấy anh Trần Thanh L và chị Huỳnh Thị Hồng G cùng trình bày với nội dung: Anh Trần Thanh L chỉ ký giấy vay số tiền 600.000.000 đồng, không nhận tiền; chị Huỳnh Thị Hồng G mới là người nhận tiền vay trực tiếp từ chị H nên chị G có nghĩa vụ trả số tiền vay này cho chị H là không có căn cứ. Bởi lẽ, căn cứ vào chứng cứ là 02 giấy vay tiền do chị H cung cấp và được anh L thừa nhận có nội dung *“Tôi tên Trần Thanh L có mượn của chị Phan Thị Thanh H số tiền 250.000.000 đồng...”* và *“Tôi tên Trần Thanh L có mượn của chị Phan Thị Thanh H số tiền 350.000.000 đồng...”*, khi giải quyết vụ án chị G đồng ý trả cho chị H số tiền 600.000.000 đồng nhưng chị H không đồng ý, chị H chỉ yêu cầu anh L trả số tiền trên nên không có cơ sở xem xét lời trình bày của anh L, chị G. Trong trường hợp anh L và chị G cho rằng số tiền vay 600.000.000 đồng do anh L ký giấy với chị H vay giúp chị G thì G có nghĩa vụ trả lại cho anh L khi anh L có yêu cầu.

[2.4] Xét yêu cầu tính tiền lãi suất của chị H, thấy rằng: Khi vay giữa chị H và anh L có lập hợp đồng vay, có ghi thời hạn trả nợ nhưng không ghi mức lãi suất phải trả, đây là trường hợp không có thỏa thuận lãi suất nên hết thời hạn thỏa thuận trả nợ chị H mới có quyền yêu cầu anh L trả tiền lãi chậm trả nợ. Theo giấy vay tiền ghi ngày 26-7-2021 thì thời hạn trả nợ các bên thỏa thuận 15 ngày nên chị H tự nguyện yêu cầu anh L trả tiền lãi từ ngày 06-8-2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao; đối với giấy vay tiền ghi ngày 06-8-2021 thì thời hạn trả nợ các bên thỏa thuận 20 ngày nên chị H yêu cầu anh L trả tiền lãi từ ngày 06-8-2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,83%/tháng là chưa phù hợp mà chị H chỉ được yêu cầu tính tiền lãi chậm trả kể từ ngày 27-8-2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao. Do đó, tiền lãi được Hội đồng xét xử xem xét tính như sau:

- Số tiền vay gốc 250.000.000 đồng, từ ngày 06-8-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15-9-2022) là 13 tháng 10 ngày  $\times 0,83\% = 27.432.660$  đồng;

- Số tiền gốc vay 350.000.000 đồng, từ ngày 27-8-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15-9-2022) là 12 tháng 22 ngày  $\times 0,83\% = 36.990.000$  đồng.



[3] Xét việc chị Phan Thị Thanh H đang giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Trần Thị H1 đứng tên đăng ký, sử dụng. Hội đồng xét xử thấy rằng, khi vay tiền anh L có giao cho chị H giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Trần Thị H1 đứng tên đăng ký, sử dụng để làm tin gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 328,6 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 159, tờ bản đồ số 28, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh ngày 16-7-2019 và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 74,3 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 147, tờ bản đồ số 59, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh ngày 10-7-2019. Khi anh L giao cho chị H giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, chị H1 không biết và các bên không tiến hành đăng ký thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Do đó chị Trần Thị H1 yêu cầu chị Phan Thị Thanh H trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Thanh L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền được Tòa án chấp nhận, quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chị Phan Thị Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thanh H đối với anh Trần Thanh L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Trần Thanh L có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị Thanh H số tiền vay gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 15-9-2022 là 64.422.660 đồng. Tổng cộng 664.422.660 (sáu trăm sáu mươi bốn triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi) đồng.

Buộc chị Phan Thị Thanh H có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị H1 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 154481, sổ vào sổ cấp GCN: CS 03592, diện tích 328,6 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 159, tờ bản đồ số 28, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh ngày 16-7-2019 do chị Trần Thị H1 đứng tên đăng ký, sử dụng và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 154284, sổ vào sổ cấp GCN: CS 03237 diện tích 74,3 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 147, tờ bản đồ số 59, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh ngày 10-7-2019 do chị Trần Thị H1 đứng tên đăng ký, sử dụng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Anh Trần Thanh L phải chịu 30.577.000 (ba mươi triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Chị Phan Thị Thanh H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 14.896.000 (mười bốn triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn) đồng tại biên lai thu số 0007251 ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**3. Về quyền kháng cáo:** Chị Phan Thị Thanh H, anh Trần Thanh L, chị Trần Thị H1 và chị Huỳnh Thị Hồng G có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành** theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC. THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Quốc**